

Bản án số: 106/2022/DS-ST

Ngày 15 - 7 - 2022

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Ông Trần Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Hồng N, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp TĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Trung T; cư trú tại: Ấ Ấp TĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trần Thu B; cư trú tại: Ấp TĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Trần Hồng N trình bày:* Trước đây, chị làm chủ hụi, ông T và bà B có tham gia chơi 03 chung hụi trong 02 dây hụi, cụ thể:

Dây hụi 500.000đ, mở ngày 25/02/2017 âl, mỗi tháng khai 02 lần, dây hụi gồm 50 chung, ông T và bà B tham gia 02 chung. Ông Tình và bà B đóng được 06 kỳ thì hốt 01 chung, đóng được 10 kỳ thì ông T, bà B hốt chung còn lại. Sau khi hốt hụi, ông T và bà B không đóng hụi tiếp cho chị. Số tiền còn nợ chị là (20 kỳ x 500.000đ) x 2 = 20.000.000đ.

Dây hội 1.000.000đ, mở ngày 06/02/2017 à, mỗi tháng khai 01 lần, dây hội gồm 37 chung, ông T và bà B tham gia 01 chung. Ông T và bà B đóng được 01 kỳ thì hết hội. Sau khi hết hội, ông T và bà B không đóng hội tiếp cho chị. Số tiền còn nợ chị là 23 kỳ x 1.000.000đ = 23.000.000đ.

Như vậy, số tiền hội mà ông T và bà B còn nợ chị là 43.000.000đ. Nay chị yêu cầu ông T và bà B trả cho chị 43.000.000đ.

*Đối với ông Võ Trung T và bà Trần Thu B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông bà không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị N.*

Tại phiên tòa: Chị N giữ nguyên yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Hồng N khởi kiện yêu cầu ông Võ Trung T và bà Trần Thu B trả tiền hội là vụ kiện tranh chấp hội, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông T và bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà B.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hội và còn nợ tiền hội với số tiền 43.000.000đ là thực tế có xảy ra. Nay chị N yêu cầu ông T và bà B trả 43.000.000đ.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N là chủ hội, còn ông T, bà B là hội viên. Trong quá trình chơi hội, ông T và bà B sau khi hết hội không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hội cho chị N. Với vai trò là chủ hội, chị N phải thực hiện nghĩa vụ đóng hội thay của ông T, bà B đối với các hội viên khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khoản tiền nợ hội của chị N là khoản nợ chung của ông T và bà B được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, ông T và bà B phải cùng có nghĩa vụ trả cho chị N là phù hợp.

[6] Xét về án phí dân sự: Ông T và bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: 43.000.000đ x 5% = 2.150.000đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hồng N.

1. Buộc ông Võ Trung T và bà Trần Thu B phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Hồng N số tiền là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng).

2. Kể từ ngày chị Trần Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Trung T và bà Trần Thu B chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông T, bà B còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Trần hồng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị N 1.075.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0012468 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Ông Võ Trung T và bà Trần Thu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Thịnh**